

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 96 /CBTT-ĐSHH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Mã Chứng khoán: HHR

Địa chỉ trụ sở chính: Số 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3873 0146

Fax: 04. 3873 0146

Người được ủy quyền Công bố thông tin: Ông Nguyễn Quốc Vượng

Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Về Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải (Tài liệu đính kèm),

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/02/2023 tại đường dẫn <http://duongsathahai.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**Tài liệu đính kèm gồm:**

- Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán Công ty CPĐS Hà Hải

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Quốc Vượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT  
HÀ HẢI**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

## **THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

### **THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100769656, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 07/01/2016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- |                         |               |
|-------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Văn Hải    | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Vượng | Thành viên    |
| - Ông Nguyễn Như Điền   | Thành viên    |

### **BAN GIÁM ĐỐC**

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Vượng | Giám đốc     |
| - Ông Tạ Quang Sơn      | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Như Điền   | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Hoài Trung | Phó Giám đốc |

### **BAN KIỂM SOÁT**

- |                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thị Hồng Vân | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Lâm Thị Ngọc      | Thành viên           |
| - Ông Vũ Quang Hưng    | Thành viên           |

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Vượng.  
Chức danh: Giám đốc.

### **TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Công ty có trụ sở tại: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 26. Theo ý kiến của Ban giám đốc báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Giám đốc

Nguyễn Quốc Vượng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022***Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Mai Lan Phương - Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0077-2023-038-1

**Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2023-038-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<u>TÀI SẢN</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>116.521.664.582</b>	<b>104.941.275.961</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.057.876.670</b>	<b>1.048.811.001</b>
1. Tiền	111		1.057.876.670	1.048.811.001
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.352.500.000</b>	<b>10.352.500.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	10.352.500.000	10.352.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>100.152.170.323</b>	<b>78.831.711.414</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	98.239.634.673	73.160.898.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	371.003.142	681.868.741
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.672.397.508	5.598.293.793
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.2	(1.130.865.000)	(609.350.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.624.203.172</b>	<b>14.452.393.822</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.624.203.172	14.452.393.822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>334.914.417</b>	<b>255.859.724</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	260.415.289	255.859.724
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.2	74.499.128	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.854.726.172</b>	<b>6.352.323.996</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.790.074.182</b>	<b>6.302.232.006</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.687.354.182	6.165.272.006
- Nguyên giá	222		22.777.824.346	21.764.015.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.090.470.164)	(15.598.743.394)
2. Tài sản cố định vô hình	227		102.720.000	136.960.000
- Nguyên giá	228		171.200.000	171.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.480.000)	(34.240.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.091.990</b>	<b>50.091.990</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	50.091.990	50.091.990
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.560.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	14.560.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>122.376.390.754</b>	<b>111.293.599.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>101.995.033.274</b>	<b>91.651.141.655</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.995.033.274</b>	<b>91.651.141.655</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	43.088.918.564	36.909.152.753
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.662.553.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.1	4.044.169.766	6.352.943.393
4. Phải trả người lao động	314	V.12	20.036.363.162	20.824.793.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		39.485.105	39.761.056
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.604.600.181	4.851.921.941
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	28.541.765.879	17.120.864.541
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		44.901.910	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.594.828.707	889.151.083
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.381.357.480</b>	<b>19.642.458.302</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>20.381.357.480</b>	<b>19.642.458.302</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.800.000.000	13.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.800.000.000	13.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.358.278.941	1.526.053.941
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288.314.737	288.314.737
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.934.763.802	4.028.089.624
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.934.763.802	4.028.089.624
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>122.376.390.754</b>	<b>111.293.599.957</b>

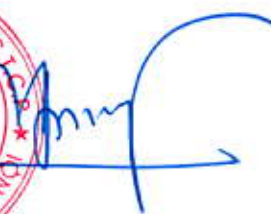
Lập ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Nguyệt

Hoàng Đức Tài

Nguyễn Quốc Vượng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.848.088.445	258.089.899.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		243.848.088.445	258.089.899.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	218.228.261.977	234.879.034.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.619.826.468	23.210.865.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	557.884.557	679.601.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	760.772.345	558.832.229
Trong đó: chi phí lãi vay	23		760.772.345	558.832.229
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.131.337.465	17.938.575.902
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.285.601.215	5.393.059.119
11. Thu nhập khác	31	VI.6	87.702.382	166.271.953
12. Chi phí khác	32	VI.7	385.611.011	444.706.641
13. Lợi nhuận khác	40		(297.908.629)	(278.434.688)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.987.692.586	5.114.624.431
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.052.928.784	1.086.534.807
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.934.763.802	4.028.089.624
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.851	1.953

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng



Hoàng Đức Tài

Giám đốc


  
 Nguyễn Quốc Vượng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		232.673.208.445	246.106.697.552
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(105.282.592.616)	(141.031.982.822)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(93.168.892.266)	(88.834.670.745)
Tiền lãi vay đã trả	04		(760.772.345)	(553.098.565)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.365.455.078)	(289.029.485)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.870.955.672	4.023.400.741
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(44.128.972.452)	(46.302.710.122)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.162.520.640)</b>	<b>(26.881.393.446)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.712.300.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		613.684.971	850.544.092
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>613.684.971</b>	<b>5.562.844.092</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		77.540.254.978	82.459.549.648
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.119.353.640)	(67.910.480.209)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.863.000.000)	(1.863.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.557.901.338</b>	<b>12.686.069.439</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9.065.669</b>	<b>(8.632.479.915)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.048.811.001</b>	<b>9.681.290.916</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.057.876.670</b>	<b>1.048.811.001</b>

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Quốc Vượng

Bùi Thị Nguyệt

Hoàng Đức Tài

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá một năm.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc, không có công ty con và công ty liên kết.

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động
1.	Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh dịch vụ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải.	Phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.
2.	Xí nghiệp Xây lắp Công trình - Chi nhánh Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.	Phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 881 người (tại ngày 31/12/2021 là 891 người).

### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền tháng.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.

**Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính.

Thời gian sử dụng ước tính được phân loại theo từng nhóm tài sản như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07-15 năm
Máy móc thiết bị	08 năm
Phương tiện vận tải	08 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

### 6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản vô hình

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được hạch toán là một tài sản cố định vô hình.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### 7. Nguyên tắc kế toán thuế

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

#### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí thuê nhà ..... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong năm báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước, điện thoại...

**Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả**

- **Phải trả tiền điện, nước, điện thoại:** Căn cứ bảng kê dịch vụ đã sử dụng và đơn giá áp dụng/Hoặc căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu.

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển**

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 04-22/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022.

Tỷ lệ trích lập: 20,66% lợi nhuận sau thuế TNDN.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu hoạt động công ích**

Doanh thu hoạt động sửa chữa, duy tu đường sắt được ghi nhận dựa trên cơ sở xác nhận của Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá sửa chữa theo hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### **Doanh thu hoạt động ngoài công ích**

Doanh thu hoạt động ngoài công ích chủ yếu là doanh thu hợp đồng xây dựng. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

*Lãi tiền gửi:* Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay.

Chi phí lãi vay được ghi nhận đầy đủ trong năm.

### **17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	88.007.223	144.038.198
Tiền gửi ngân hàng	969.869.447	904.772.803
<b>Cộng</b>	<b>1.057.876.670</b>	<b>1.048.811.001</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Ngắn hạn	10.352.500.000	10.352.500.000	10.352.500.000	10.352.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.352.500.000	10.352.500.000	10.352.500.000	10.352.500.000
<b>Cộng</b>	<b>10.352.500.000</b>	<b>10.352.500.000</b>	<b>10.352.500.000</b>	<b>10.352.500.000</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 - 14 tháng, với lãi suất 3,7%-4,8%/ năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản tiền gửi này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty.

#### 2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>I. Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	50.091.990	-	50.091.990	50.091.990	-	50.091.990
<b>Cộng</b>	<b>50.091.990</b>	<b>-</b>	<b>50.091.990</b>	<b>50.091.990</b>	<b>-</b>	<b>50.091.990</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 3. Phải thu khách hàng

#### 3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu từ khách hàng từ bên thứ ba</b>	<b>32.097.404.653</b>	<b>36.112.222.475</b>
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng huyện Gia Lâm	1.182.495.594	1.066.337.786
Công ty Cổ phần Nước mặt sông Đuống	1.268.648.600	1.268.648.600
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng	1.948.246.468	1.948.246.468
Ban QL dự án đường sắt	7.203.235.922	14.917.267.841
Phải thu khách hàng tại XN Xây lắp Công trình	513.019.000	513.019.000
Phải thu khách hàng tại XN Xây lắp và Kinh doanh Dịch vụ	843.349.000	1.146.395.920
Các đối tượng khác	19.138.410.069	15.252.306.860
<b>Phải thu khách hàng từ bên liên quan</b>	<b>66.142.230.020</b>	<b>37.048.676.405</b>
Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2		
<b>Cộng</b>	<b><u>98.239.634.673</u></b>	<b><u>73.160.898.880</u></b>

#### 3.2 Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>609.350.000</b>	<b>76.589.000</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	521.515.000	532.761.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.130.865.000</u></b>	<b><u>609.350.000</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán từ bên thứ ba</b>	<b>371.003.142</b>	<b>681.868.741</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quang Huy	-	612.843.941
Viện nghiên cứu chiến lược và phát triển Giao thông vận tải	249.638.000	-
Các đối tượng khác	121.365.142	69.024.800
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi tiết Trả trước cho người bán là bên liên quan tại Thuyết minh số VII.2		
<b>Cộng</b>	<b><u>371.003.142</u></b>	<b><u>681.868.741</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khác từ bên thứ ba</b>	<b>2.211.627.280</b>	-	<b>5.137.523.565</b>	-
Tạm ứng	753.306.719	-	845.381.234	-
Phải thu khác	1.458.320.561	-	4.292.142.331	-
<i>Phải thu thuế TNCN của nhân viên</i>	<i>1.199.165.787</i>	-	<i>719.752.874</i>	-
<i>Phải thu lãi dự thu tính trước</i>	<i>37.670.003</i>	-	<i>93.470.417</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>221.484.771</i>	-	<i>3.478.919.040</i>	-
<b>Phải thu khác từ bên liên quan</b>	<b>460.770.228</b>	-	<b>460.770.228</b>	-
Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2				
<b>Cộng</b>	<b>2.672.397.508</b>	-	<b>5.598.293.793</b>	-

### 6. Nợ xấu

#### 6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Dương Châu	56.512.000	-	56.512.000	-
Công ty Đường bộ 230 - Ciencol	20.077.000	-	20.077.000	-
Công ty TNHH MTV 17	48.019.000	-	48.019.000	-
Công ty Cổ phần phát triển đầu tư Thái Sơn bộ Q.P	969.484.000	-	969.484.000	484.742.000
Công ty ĐT&XD Cầu đường Hà Nội	36.773.000	-	36.773.000	36.773.000
<b>Cộng</b>	<b>1.130.865.000</b>	-	<b>1.130.865.000</b>	<b>521.515.000</b>

#### 6.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.685.479.572	-	2.580.384.930	-
Công cụ, dụng cụ	395.586.783	-	406.452.353	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.543.136.817	-	11.465.556.539	-
<b>Cộng</b>	<b>4.624.203.172</b>	-	<b>14.452.393.822</b>	-

### 8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>260.415.289</b>	<b>255.859.724</b>
- Chi phí lập kế hoạch, phương án giá SCTX	42.636.392	42.800.000
- Các khoản khác	217.778.897	213.059.724
<b>Dài hạn</b>	<b>14.560.000</b>	-
- Chi phí khác	14.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>274.975.289</b>	<b>255.859.724</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2022	7.416.169.083	6.453.844.297	6.497.260.598	1.222.501.422	174.240.000	21.764.015.400
Mua trong năm	-	1.013.808.946	-	-	-	1.013.808.946
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>7.416.169.083</b>	<b>7.467.653.243</b>	<b>6.497.260.598</b>	<b>1.222.501.422</b>	<b>174.240.000</b>	<b>22.777.824.346</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2022	6.806.317.193	3.367.298.875	4.486.370.005	764.517.321	174.240.000	15.598.743.394
Khấu hao trong năm	261.834.734	613.398.851	432.484.911	184.008.274	-	1.491.726.770
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>7.068.151.927</b>	<b>3.980.697.726</b>	<b>4.918.854.916</b>	<b>948.525.595</b>	<b>174.240.000</b>	<b>17.090.470.164</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	609.851.890	3.086.545.422	2.010.890.593	457.984.101	-	6.165.272.006
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>348.017.156</b>	<b>3.486.955.517</b>	<b>1.578.405.682</b>	<b>273.975.827</b>	<b>-</b>	<b>5.687.354.182</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.755.320.028 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.949.440.028 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 3.028.672.892 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.747.433.927 VND). Chi tiết xem tại thuyết minh số V.14

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán từ bên thứ ba</b>	<b>38.508.874.138</b>	<b>38.508.874.138</b>	<b>32.477.290.051</b>	<b>32.477.290.051</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Cầu đường	4.968.837.720	4.968.837.720	5.909.513.375	5.909.513.375
Xí nghiệp Cơ khí Đông Anh	1.955.106.654	1.955.106.654	1.903.269.451	1.903.269.451
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	4.836.221.024	4.836.221.024	2.657.185.710	2.657.185.710
Công ty Cổ phần Công trình 6	7.067.367.328	7.067.367.328	4.999.461.728	4.999.461.728
CN Công ty Cổ phần XNK VTTBDS-CN 2 Thanh Hóa	364.237.874	364.237.874	1.295.236.480	1.295.236.480
Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	2.212.056.000	2.212.056.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại đường sắt Đông Dương	3.538.801.240	3.538.801.240	3.432.552.950	3.432.552.950
Các đối tượng khác	13.566.246.298	13.566.246.298	12.280.070.357	12.280.070.357
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>4.580.044.426</b>	<b>4.580.044.426</b>	<b>4.431.862.702</b>	<b>4.431.862.702</b>
Chi tiết phải trả là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2				
<b>Cộng</b>	<b>43.088.918.564</b>	<b>43.088.918.564</b>	<b>36.909.152.753</b>	<b>36.909.152.753</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

#### 11.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.637.180.890	10.987.647.963	12.861.315.501	3.763.513.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	593.182.708	1.052.928.784	1.365.455.078	280.656.414
Thuế thu nhập cá nhân	122.579.795	879.823.209	1.002.403.004	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	58.599.322	58.599.322	-
<b>Cộng</b>	<b>6.352.943.393</b>	<b>12.983.999.278</b>	<b>15.292.772.905</b>	<b>4.044.169.766</b>

#### 11.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	74.499.128	74.499.128
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>74.499.128</b>	<b>74.499.128</b>

### 12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương công trình và sửa chữa thường xuyên chưa trả	20.036.363.162	20.824.793.888
<b>Cộng</b>	<b>20.036.363.162</b>	<b>20.824.793.888</b>

### 13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác là bên thứ ba	3.430.916.370	3.995.015.279
Kinh phí công đoàn	2.857.516.560	2.353.856.091
Phải trả, phải nộp khác	573.399.810	1.641.159.188
Bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt	40.836.500	40.836.500
Thuế GTGT chưa xuất hóa đơn	130.479.002	1.032.149.763
Các khoản khác	402.084.308	568.172.925
Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan	1.173.683.811	856.906.662
Chi tiết phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2		
<b>Cộng</b>	<b>4.604.600.181</b>	<b>4.851.921.941</b>

### 14. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ			Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	17.120.864.541	77.540.254.978	66.119.353.640	28.541.765.879
Vay ngắn hạn ngắn hạn [1]	17.120.864.541	77.540.254.978	66.119.353.640	28.541.765.879
<b>Cộng</b>	<b>17.120.864.541</b>	<b>77.540.254.978</b>	<b>66.119.353.640</b>	<b>28.541.765.879</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### [1] Vay ngân hàng

Bên cho vay và hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày cuối năm
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/40404/HĐTĐHM ngày 03/10/2022	3 tháng	6,6%/năm	Phục vụ hoạt động thường xuyên	Một số máy móc thiết bị và ô tô của Công ty; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	28.541.765.879

### 15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	889.151.083	764.902.581
Số trích trong năm	1.351.864.624	1.040.000.502
Số sử dụng trong năm	646.187.000	915.752.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.594.828.707</b>	<b>889.151.083</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	13.800.000.000	288.314.737	968.285.941	3.460.768.502	18.517.369.180
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.028.089.624	4.028.089.624
Phân phối quỹ			557.768.000	(1.597.768.502)	(1.040.000.502)
Chia cổ tức				(1.863.000.000)	(1.863.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>288.314.737</b>	<b>1.526.053.941</b>	<b>4.028.089.624</b>	<b>19.642.458.302</b>
Số dư đầu năm nay	13.800.000.000	288.314.737	1.526.053.941	4.028.089.624	19.642.458.302
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.934.763.802	3.934.763.802
Phân phối quỹ (*)	-	-	832.225.000	(2.165.089.624)	(1.332.864.624)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.863.000.000)	(1.863.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>288.314.737</b>	<b>2.358.278.941</b>	<b>3.934.763.802</b>	<b>20.381.357.480</b>

(\*) Phân phối các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 04-22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022.

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (Công ty mẹ)	7.038.000.000	7.038.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.762.000.000	6.762.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>13.800.000.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### c. Giao dịch về vốn đối với chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	13.800.000.000	13.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>13.800.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(1.863.000.000)	(1.863.000.000)

### d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.380.000</b>	<b>1.380.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	1.380.000	1.380.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.380.000	1.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.380.000	1.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

### e. Cổ tức

Cổ tức sẽ được công bố sau Đại Hội đồng cổ đông năm 2022.

### f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm	Số trích lập thêm	Số đã sử dụng	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	1.526.053.941	832.225.000	-	2.358.278.941
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	288.314.737	-	-	288.314.737
<b>Cộng</b>	<b>1.814.368.678</b>	<b>832.225.000</b>	<b>-</b>	<b>2.646.593.678</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động công ích	163.224.977.239	154.152.825.455
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	80.623.111.206	103.937.074.396
<b>Cộng</b>	<b>243.848.088.445</b>	<b>258.089.899.851</b>
<b>Trong đó</b>		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	35.877.066.250	95.423.769.682
Doanh thu bán cho bên liên quan	207.971.022.195	162.666.130.169
<i>Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2</i>		
<b>Cộng</b>	<b>243.848.088.445</b>	<b>258.089.899.851</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động công ích	144.558.303.024	137.312.223.918
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	73.669.958.953	97.566.810.330
<b>Cộng</b>	<b><u>218.228.261.977</u></b>	<b><u>234.879.034.248</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	557.884.557	679.601.647
<b>Cộng</b>	<b><u>557.884.557</u></b>	<b><u>679.601.647</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	760.772.345	558.832.229
<b>Cộng</b>	<b><u>760.772.345</u></b>	<b><u>558.832.229</u></b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	15.422.542.188	14.306.368.955
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.852.727	116.450.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.008.274	276.965.016
Thuế, phí và lệ phí	210.308.080	117.556.996
Chi phí dự phòng	521.515.000	532.761.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837.742.114	668.267.986
Chi phí bằng tiền khác	2.882.369.082	1.920.205.039
<b>Cộng</b>	<b><u>20.131.337.465</u></b>	<b><u>17.938.575.902</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc khắc phục sự cố tai nạn đường sắt	87.702.382	135.051.753
Các khoản khác	-	31.220.200
<b>Cộng</b>	<b><u>87.702.382</u></b>	<b><u>166.271.953</u></b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền nộp lại chi phí theo kết luận của thanh tra kiểm tra	69.733.626	64.220.722
Chi phí khắc phục sự cố tai nạn đường sắt	81.383.667	126.657.037
Chi phí công trình không thu hồi được	185.335.618	252.561.423
Các khoản khác	49.158.100	1.267.459
<b>Cộng</b>	<b><u>385.611.011</u></b>	<b><u>444.706.641</u></b>

### 8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.052.928.784	1.086.534.807
<b>Cộng</b>	<b>1.052.928.784</b>	<b>1.086.534.807</b>

### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến hết ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.987.692.586	5.114.624.431
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	276.951.334	318.049.604
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>276.951.334</i>	<i>318.049.604</i>
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	276.951.334	318.049.604
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chuyển lỗ từ các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	5.264.643.920	5.432.674.035
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>1.052.928.784</b>	<b>1.086.534.807</b>

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.934.763.802	4.028.089.624
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông ưu đãi	3.934.763.802	4.028.089.624
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.332.864.624)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (**)	1.380.000	1.380.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.851</b>	<b>1.953</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành thực tế được thông qua theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 04-22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2022. Việc xác định nêu trên làm lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 giảm từ 2.919 đồng/cổ phiếu thành 1.953 đồng/cổ phiếu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(\*\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	1.380.000	1.380.000
Số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm bình quân trong năm	-	-
Số cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.380.000	1.380.000

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.795.227.750	101.566.997.863
Chi phí nhân công	114.222.540.555	121.787.100.884
Chi phí công cụ, dụng cụ	752.155.859	1.732.025.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.525.966.770	1.606.623.555
Chi phí dự phòng	521.515.000	532.761.000,00
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.530.994.180	23.844.709.250
Chi phí khác bằng tiền	10.274.115.224	4.275.831.665
<b>Cộng</b>	<b><u>228.622.515.338</u></b>	<b><u>255.346.049.505</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### 2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con cùng công ty mẹ
Chi nhánh Khai thác Đường Sắt Hà Lạng	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trung Tâm y tế Đường Sắt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV I	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**2.2 Giao dịch với các bên liên quan****a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt**

Họ và tên bên liên quan	Các khoản thu nhập	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Hải	Lương, thưởng, phụ cấp	471.969.757	356.571.782
Nguyễn Quốc Vượng	Lương, thưởng, phụ cấp	466.315.211	361.128.107
Tạ Quang Sơn	Lương, thưởng, phụ cấp	379.399.280	292.451.785
Nguyễn Quang Long	Phụ cấp	-	8.378.750
Nguyễn Hoài Trung	Lương, thưởng, phụ cấp	386.234.297	300.984.419
Nguyễn Như Điền	Lương, thưởng, phụ cấp	400.311.950	317.984.118
Hoàng Đức Tài	Lương, thưởng, phụ cấp	325.862.465	281.014.189
Trần Thị Hồng Vân	Lương, thưởng, phụ cấp	342.935.804	265.241.695
<b>Cộng</b>		<b>2.773.028.764</b>	<b>2.183.754.844</b>

**b. Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường Sắt Việt	Cung cấp dịch vụ	163.224.977.239	154.152.825.455
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Cung cấp dịch vụ	4.460.222.310	-
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực I	Cung cấp dịch vụ	40.285.822.646	8.513.304.715
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Mua hàng hóa dịch vụ	2.241.187.963	1.246.135.455
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Mua hàng hóa dịch vụ	481.949.429	18.467.748
Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm	Mua hàng hóa dịch vụ	-	124.500.000
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	Mua hàng hóa dịch vụ	4.005.180.800	2.891.577.709
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	Mua hàng hóa dịch vụ	679.732.798	969.691.745
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Mua hàng hóa dịch vụ	257.358.000	274.493.066
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Mua hàng hóa dịch vụ	-	233.473.681
Trung tâm y tế đường sắt	Mua hàng hóa dịch vụ	142.680.000	-
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	Mua hàng hóa dịch vụ	265.361.356	-
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	Mua hàng hóa dịch vụ	124.950.000	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### c. Số dư bên liên quan

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

#### Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.3)

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	44.875.195.517	35.218.199.585
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực I	20.788.683.845	1.212.027.449
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	478.350.658	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	618.449.371
<b>Cộng</b>	<b>66.142.230.020</b>	<b>37.048.676.405</b>

#### Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.5)

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	460.770.228	460.770.228
<b>Cộng</b>	<b>460.770.228</b>	<b>460.770.228</b>

#### Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.10)

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	143.295.132	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	-	256.821.049
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	260.252.691	20.314.523
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mỏ	637.078.446	1.586.212.330
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	1.033.385.157	1.159.829.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	-	37.936.800
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	85.550.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	2.420.483.000	1.370.749.000
<b>Cộng</b>	<b>4.580.044.426</b>	<b>4.431.862.702</b>

#### Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.13)

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.173.683.811	856.906.662
<b>Cộng</b>	<b>1.173.683.811</b>	<b>856.906.662</b>

### 3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

Hoàng Đức Tài

Giám đốc



Nguyễn Quốc Vượng